

TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2025

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ theo Hợp đồng số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ký ngày 3 tháng 4 năm 2025 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và Doanh nghiệp tại cảng KHQT Liên Khương.

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công Hợp đồng số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ký ngày 3 tháng 4 năm 2025.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lê Đức Tình	Chủ trì công trình	0912296180
2	Nguyễn Tuấn Vương	Tổ trưởng	0982610000
3	Trần Anh Dũng	Tổ trưởng	0902131020
4	Hoàng Anh Tuấn	Tổ trưởng	0983995527
5	Nguyễn Thị Dung	Tổ trưởng	0368878568

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**



GIÁM ĐỐC
TS. *Lê Đức Tình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mỏ - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Lê Đức Tình
2. Mã số thuế: 034078008123

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026

Với khoản thu nhập là: 153.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Lê Đức Tình theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT - TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mỏ - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Dung

2. Mã số thuế: 038172000502

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026
Với khoản thu nhập là: 43.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Nguyễn Thị Dung theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT - TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Lê Đức Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mở - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Trần Anh Dũng
2. Mã số thuế: 036078011311

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026
Với khoản thu nhập là: 52.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Trần Anh Dũng theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT-TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Đức Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mỏ - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Hoàng Anh Tuấn

2. Mã số thuế:

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026
Với khoản thu nhập là: 48.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 20025 cho Hoàng Anh Tuấn theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT-TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Lê Đức Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mở - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Nguyễn Tuấn Vương

2. Mã số thuế: 033081006414

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026

Với khoản thu nhập là: 48.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Nguyễn Tuấn Vương theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT - TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 3/4/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ

Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”

Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”

GIỮA

**CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG - CHI NHÁNH
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

VÀ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**

Lâm Đồng - 4/2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Định nghĩa và diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Giá trị hợp đồng

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 17. Bảo hiểm

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 27. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá trị hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/ 04/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

PHẦN 1- THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 3 tháng 4 năm 2025 tại văn phòng Cảng hàng không quốc tế Liên Khương, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên Giao thầu (gọi tắt là bên A):

- Tên giao dịch: **CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG - CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

- Người đại diện: **Ông VŨ PHẠM NGUYỄN AN** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

- Tài khoản: 6460323111 tại NH BIDV - CN Đà Lạt

- Mã số thuế: 0311638525-007

- Điện thoại: 0263 3843373

Fax: 0263 3843500

và bên kia là:

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên giao dịch: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**

- Đại diện là: **Ông LÊ ĐỨC TÌNH** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mở - Địa chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

- Tài khoản: 3100211000206 tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội

- Mã số thuế: 0100811629

- Điện thoại: 0243 7523 819

Fax: 0243 7523 819

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số do Sở Khoa học và Công nghệ cấp lần đầu ngày 31/12/1995; Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ số 00580 do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam cấp ngày 08/10/2020.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.

PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính Phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay;

Căn cứ Nghị quyết số 410/NQ-HĐQT ngày 16/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP v/v phê duyệt kinh phí Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và của doanh nghiệp tại các Cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng ký kết ngày 2 / 4/2024, giữa Cảng hàng không quốc tế Liên Khương và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ;

Căn cứ Quyết định số KQ2500077008_2504031453 ngày 3/4/2025 của Giám đốc Cảng HKQT Liên Khương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu số 1 “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc hạng mục “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”, thuộc dự án/dự toán mua sắm Gói thầu số 1 “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc hạng mục “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.

PHẦN 3 - ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Cảng hàng không quốc tế Liên Khương.
2. Nhà thầu là Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.
3. Dự án: là dự án “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.
4. Công trình: là công trình “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.
5. Gói thầu: là gói thầu số 1 “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.
6. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc hoặc Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư thành lập.
7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
10. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu;
 - b) HSĐX của Nhà thầu tư vấn

- c) Biên bản đàm phán hợp đồng;
- d) Các phụ lục của hợp đồng;
- e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng tư vấn xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, quyết định, đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- 1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam.
- 2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn:

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Khảo sát, thu thập, tổng hợp số liệu hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương;
- Thống kê danh mục dự kiến tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp cần đo đạc;
- Thực hiện công tác đo đạc, xác định phạm vi ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp;
- Xử lý nội nghiệp, xuất kết quả công tác đo đạc, xác định phạm vi ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp thông qua sản phẩm là các bản vẽ kết quả đo đạc.

2. Sản phẩm đo đạc, phân định ranh giới bao gồm:

- Bản vẽ tỷ lệ 1/500, trong đó bao gồm ranh giới đất đai cảng hàng không, sân bay, phạm vi, ranh giới tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp; thể hiện kích thước, diện tích, ranh giới, tọa độ các điểm mốc của tài sản. Bổ sung bản vẽ với tỷ lệ phù hợp để thể hiện kích thước tài sản nếu tài sản có kích thước nhỏ, không thể hiện rõ được trên bản vẽ tỷ lệ 1/500.

- Bản vẽ tỷ lệ 1/2.000, trong đó bao gồm ranh giới đất đai cảng hàng không, sân bay, phạm vi, ranh giới tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp; thể hiện kích thước, diện tích, ranh giới, tọa độ các điểm mốc của tài sản. Bổ sung bản vẽ với tỷ lệ phù hợp

để thể hiện kích thước tài sản nếu tài sản có kích thước nhỏ, không thể hiện rõ được trên bản vẽ tỷ lệ 1/2.000.

- Danh mục tài sản phân theo tài sản Nhà nước và doanh nghiệp (định dạng theo file excel) *theo phụ lục - Mẫu bảng thống kê, mô tả tài sản* bao gồm các tài sản là hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng: 05 bộ.

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá trị hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

a. Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **811.575.124 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy lăm nghìn, một trăm hai mươi tư đồng).

(Chi tiết theo phụ lục 01: Đơn giá hợp đồng)

Hiện tại thuế GTGT trong giá hợp đồng đang tính là 8%. Trường hợp nhà nước có sự điều chỉnh thuế GTGT thì việc thanh, quyết toán sẽ áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thanh, quyết toán

b. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng]

2. Nội dung của giá hợp đồng:

a. Nội dung của giá hợp đồng tư vấn Đo đạc, phân định ranh giới tài sản bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b. Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định..

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

đ) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

Điều 14. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Điều 15. Nhân lực của nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng (đính kèm phụ lục 02: Danh sách nhân lực của nhà thầu).

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 02: Danh sách nhân lực của nhà thầu. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người

thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tự vẫn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo quy định.

6. Nhà thầu tự vẫn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tự vẫn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ)

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.



2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng:

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày

bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 5 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 5 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 5 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 5 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn Đo đạc, phân định ranh giới tài sản.

- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn).

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng: Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định trong hợp đồng này và không có phát sinh tranh chấp nào trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng này.

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu 01 lần sau khi Hồ sơ báo cáo kết quả đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện 25 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực và chủ đầu tư có thông báo khởi công (thời gian

trên không bao gồm ngày lễ, tết, ngày nghỉ và thời gian thăm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng: thời tiết mưa bão, lũ lụt, dịch bệnh....).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng.

2. Tiến độ thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh toán Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị quyết toán hợp đồng sau khi hồ sơ báo cáo Đo đạc, phân định ranh giới tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Nhà thầu bàn giao hồ sơ như sau:

- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn Đo đạc, phân định ranh giới tài sản được Chủ đầu tư xác nhận;

- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.

- + Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;

- + Đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và

khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: 15 ngày.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm tiến độ hợp đồng:

Đối với nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ 5 ngày thì phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ. Tổng giá trị phạt tối đa không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 27. Điều Khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản. Chủ đầu tư giữ 04 bản, Nhà thầu giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng:
Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là: 05 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **811.575.124 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy lăm nghìn, một trăm hai mươi tư đồng).

Hiện tại thuế GTGT trong giá hợp đồng đang tính là 8%. Trường hợp nhà nước có sự điều chỉnh thuế GTGT thì việc thanh, quyết toán sẽ áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thanh, quyết toán.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng: Thực hiện các nội dung quy định theo khoản 2, Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 13 Điều 1, Nghị định 50/2021/NĐ-CP.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng: Các trường hợp được quy định tại Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày khi có sự thay đổi về nhân sự.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 5 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23, hoặc 5 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 5 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 5 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 15 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần:

Nhà thầu tư vấn hoàn thành nội dung hợp đồng và báo cáo kết quả Đo đạc, phân định ranh giới tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 25 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực và chủ đầu tư có thông báo khởi công (thời gian trên không bao gồm ngày lễ, tết, ngày nghỉ và thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng: thời tiết mưa bão, lũ lụt, dịch bệnh....).

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng

2. Tiến độ thanh toán: Số lần thanh toán là 01 lần thanh toán.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh toán Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị quyết toán hợp đồng sau khi hồ sơ báo cáo Đo đạc, phân định ranh giới tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Nhà thầu bàn giao hồ sơ như sau:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn Đo đạc, phân định ranh giới tài sản được Chủ đầu tư xác nhận.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.

+ Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu.

+ Hóa đơn GTGT hợp lệ.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 15 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp là 15 ngày và tuân thủ quy định tại Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng: Nếu chậm tiến độ 5 ngày thì phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ. Tổng giá trị phạt tối đa không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm

3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản. Chủ đầu tư giữ 04 bản, Nhà thầu giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



Vũ Phạm Nguyên An



Lê Đức Tình

PHỤ LỤC 01: BẢNG ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng tư vấn Số: 3/4 /2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 3 tháng 4 năm 2025)

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Xây dựng lưới địa chính không tường vây	Điểm	40	9.040.573	361.622.916
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Ha	2,667	14.897.136	39.730.660
3	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000	Ha	172	2.385.009	410.221.548
Tổng cộng					811.575.124
Bằng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi tư đồng./.					

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

Vũ Phạm Nguyên An

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tình



PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

(Kèm theo Hợp đồng tư vấn số: 3/4 /2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 3 tháng 4 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh nhân sự dự kiến
1	Lê Đức Tình	Chủ nhiệm công trình
2	Nguyễn Tuấn Vương	Thành viên
3	Trần Anh Dũng	Thành viên
4	Hoàng Anh Tuấn	Chuyên gia kỹ thuật
5	Nguyễn Thị Dung	Chuyên gia kỹ thuật



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN SỐ: 01/BBNTH
NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN ĐỊNH RANH GIỚI TÀI SẢN
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ
DOANH NGHIỆP TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG
Gói thầu số 1: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của
Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương
Hạng mục: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của
Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương

1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:

Hồ sơ Báo cáo đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và Doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.

2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:

a. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG - CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Ông: Vũ Phạm Nguyên An	- Chức vụ: Giám đốc
Ông: Văn Bạch Anh Tuấn	- Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông: Trương Duy Quang	- Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật
Ông: Nguyễn Tiến Dũng	- Chức vụ: Trưởng phòng điều hành sân bay
Ông: Nguyễn Trung Sơn	- Chức vụ: Nhân viên giám sát công trình

b. Đại diện Nhà thầu tư vấn (Bên B): TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Ông: Lê Đức Tình	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Quang Thắng	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. THỜI GIAN NGHIỆM THU:

Bắt đầu: 08h00 ngày tháng năm 2025

Kết thúc: 10h30 ngày tháng năm 2025

Tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương, quốc lộ 20, xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.



4. CĂN CỨ NGHIỆM THU:

- Nhiệm vụ Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương đã được duyệt;

- Hợp đồng tư vấn số 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 ký giữa Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thực hiện của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”;

- Hồ sơ Báo cáo kết quả đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành áp dụng cho công tác khảo sát xây dựng.

5. NỘI DUNG NGHIỆM THU:

5.1. Khối lượng công việc:

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã thực hiện xong công tác khảo sát đo đạc của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” theo hợp đồng kinh tế đã ký với khối lượng chi tiết như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		
			Hợp đồng	Thực hiện	Chênh lệch
1	Xây dựng lưới địa chính không tường vôi	Điểm	40	40	0
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Ha	2,667	2,667	0
3	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000	Ha	172	172	0

5.2. Chất lượng công việc

- Công việc đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương được thực hiện theo đúng yêu cầu của Nhiệm vụ đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành áp dụng.

- Hồ sơ Báo cáo đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương được lập

đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng kỹ - mỹ thuật, đáp ứng được các yêu cầu của bên A và đủ điều kiện để đưa vào sử dụng ở các bước tiếp theo.

5.3. Hình thức, số lượng hồ sơ

- Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: Bên B đã bàn giao cho Bên A 05 (năm) bộ hồ sơ Báo cáo đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và Doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương theo yêu cầu của hợp đồng tư vấn.

- Hồ sơ bao gồm:

+ Báo cáo đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương;

+ Bản vẽ đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương;

+ Danh mục tài sản phân theo tài sản nhà nước và doanh nghiệp;

+ Nhật ký thi công;

+ File dữ liệu.

5.4. Tiến độ thực hiện: Đạt yêu cầu theo hợp đồng đã ký.

6. KẾT LUẬN

- Chấp nhận nghiệm thu hồ sơ kết quả của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”.

- Biên bản này được lập thành 05 bản, bên A giữ 03 bản và bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Vũ Phạm Nguyên An

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH (QUYẾT TOÁN)

Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương

Tên Hạng mục: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương

Hợp đồng số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03 tháng 04 năm 2025

Đại diện Chủ đầu tư: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Nhà thầu: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Quyết toán hoàn thành:

I. Căn cứ để xác nhận:

- Căn cứ Hợp đồng tư vấn số 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 ký giữa Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thực hiện của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”;

- Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu;
- Căn cứ vào Nhật ký thi công;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan.

II. Các bên tham gia nghiệm thu

1. Đại diện Chủ đầu tư: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

- Ông: Vũ Phạm Nguyên An Chức vụ: Giám đốc

2. Đại diện đơn vị thi công: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

- Ông: Lê Đức Tình Chức vụ: Giám đốc - Chủ trì công trình

- Ông: Nguyễn Quang Thắng Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

III. Nội dung công việc:

- Các bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành như sau:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Khối lượng hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Khối lượng quyết toán	Chênh lệch	
1	2	3	4	5	6	7=Min [(4);(6)]	8=(7)-(4)	9
1	Xây dựng lưới địa chính không tương vây	điểm	40	0,0	40	40,0	0,0	
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	ha	2,667	0,0	2,667	2,6670	0,0	
3	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000	ha	172	0,0	172	172,0	0,0	

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ
GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tình

CHỦ ĐẦU TƯ
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
TỈNH LÂM ĐỒNG
Vũ Phạm Nguyên An

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương

Tên Hạng mục: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và Doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Vinh

Mã dự án:

Hợp đồng: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03 tháng 04 năm 2025

Chủ đầu tư: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Nhà thầu: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Căn cứ xác định:

- Hợp đồng tư vấn số 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03 tháng 04 năm 2025

- Biên bản nghiệm thu kết quả đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương số 01/BBNT ngày 21/3/2025;

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền (đồng)				
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Xây dựng lưới địa chính không tường vây	điểm	40,0		40,0	40,0	9.040.573	361.622.916	-	361.622.916	361.622.916	
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	ha	2,667		2,6670	2,6670	14.897.136	39.730.660	-	39.730.660	39.730.660	
3	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000	ha	172,000		172,0	172,000	2.385.009	410.221.548	-	410.221.548	410.221.548	
	TỔNG CỘNG							811.575.124	0	811.575.124	811.575.124	

G	Giá trị quyết toán	811.575.124
1.	Giá trị hợp đồng	811.575.124
2.	Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước	0
3.	Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước	0
4.	Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:	811.575.124
5.	Thanh toán để thu hồi tạm ứng	0
6.	Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này	811.575.124
Bảng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi tư đồng.		
6.1	Tạm ứng	0

6.2	Thanh toán khối lượng hoàn thành:	$= ([4] * 100\%) - [3] - [5])$	811.575.124
7.	Lũy kế giá trị giải ngân:	$= [7.1] + [7.2]$	811.575.124
7.1	Tạm ứng:		0
7.2	Thanh toán khối lượng hoàn thành:	$[3] + [5] + [6]$	811.575.124

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MÔI TRÁC ĐỊA - BẢN ĐỒ
GIÁM ĐỐC



LÊ ĐỨC TÌNH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG
GIÁM ĐỐC



VU PHẠM NGUYỄN AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025

Gói thầu số 1: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương
Hạng mục: Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương

CĂN CỨ

- Hợp đồng tư vấn số 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 ký giữa Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thực hiện của Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương”;

- Biên bản nghiệm thu Báo cáo đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và Doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương số 01/BBNT ngày 12/3 /2025;

- Căn cứ hồ sơ Quyết toán của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư xác nhận.

Hôm nay, ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại văn phòng Cảng hàng không quốc tế Liên Khương - CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, chúng tôi gồm:

BÊN A: CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG - CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Đại diện: Ông **Vũ Phạm Nguyên An**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương quốc lộ 20, xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0263 3843373

Fax: 0263 3843500

Mã số thuế: 0311638525-007

Tài khoản: 6460323111 tại NH BIDV - CN Đà Lạt

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Đại diện: Ông **Lê Đức Tình**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100811629

Tài khoản số: 3100211000206 tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng tư vấn số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

Bên B đã thực hiện và hoàn thành toàn bộ Gói thầu số 1: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” thuộc Hạng mục: “Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng HKQT Liên Khương” theo đúng yêu cầu được quy định tại hợp đồng tư vấn số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 đảm bảo khối lượng, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của bên A.

ĐIỀU 2: THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

Bên A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng như sau:

STT	NỘI DUNG	Giá trị (bao gồm thuế)	Ghi chú
1	Giá trị hợp đồng:	811.575.124	
2	Giá trị quyết toán:	811.575.124	
3	Giá trị đã thanh toán:	0	
4	Giá trị phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có)	0	
5	Giá trị còn lại Bên A phải thanh toán cho Bên B	811.575.124	

(Bằng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi bốn đồng)

ĐIỀU 3: NGHĨA VỤ CÒN LẠI CỦA CÁC BÊN SAU KHI KÝ BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

1. Nghĩa vụ của bên A: Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B số tiền (đã bao gồm thuế) còn lại là: **811.575.124 VNĐ** (Bằng chữ: Tám trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi bốn đồng) sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của bên B: Xuất hóa đơn tài chính đầy đủ, đúng quy định.

3. Nghĩa vụ chung của các Bên: Các bên có trách nhiệm tham gia giải trình với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thanh tra/kiểm toán nhà nước theo quy định

pháp luật; và có trách nhiệm tuân thủ các kết luận của cơ quan có thẩm quyền trong và sau khi kết thúc quá trình thanh tra/kiểm toán nhà nước nói trên.

ĐIỀU 4: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng tư vấn số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025 được thanh lý kể từ ngày các bên hoàn tất nghĩa vụ quy định tại Điều 3 của Biên bản thanh lý Hợp đồng này.

2. Kể từ ngày hợp đồng được thanh lý, các Bên miễn trừ cho nhau bất kỳ khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng tư vấn số: 314/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/04/2025.

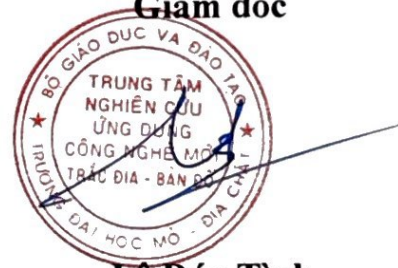
Biên bản này được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 08 bản và Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Vũ Phạm Nguyên An

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Lê Đức Tình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25TTD**
Số (No.): **4**

Ngày (date) 12 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 00A32991B0549647A49C2DC7B88A4B5593

Đơn vị bán hàng (Seller): **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

Mã số thuế (Tax code): **0100811629**

Địa chỉ (Address): Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản (A/C No): 3100211000206 Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ (Address): Cảng hàng không quốc tế Liên Khương Quốc lộ 20, Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0311638525-007

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Căn cước công dân (Identity card):

Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget Unit code):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền chưa thuế GIGT (Amount before VAT)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7
1	Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của hợp đồng số 3/4/2025/HĐTV/LKIA-TĐBĐ ngày 03/4/2025 về việc thực hiện Gói thầu số 1 "Đo đạc, phân định ranh giới tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của Nhà nước và doanh nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương".	Hợp đồng	1	751.458.448	751.458.448	8%	60.116.676
Tổng hợp (Summary)		Thuế suất (VAT rate)	Tổng tiền chưa thuế (Amount before VAT)		Tổng tiền thuế (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total amount)	
Tổng tiền chịu thuế suất (Total amount) :		8%	751.458.448		60.116.676	811.575.124	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			751.458.448		60.116.676	811.575.124	
Tổng số tiền viết bằng chữ : Tám trăm mười một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm hai mươi tư đồng							

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Ngày ký: 12/09/2025 03:23 PM

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mint.vn> - Mã tra cứu: 1F7F233E

(Không tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)